

**DỰ THẢO**

**Hướng dẫn sử dụng danh mục dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh tương đương**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số /KCB-QLCL ngày /4/2016 của Cục trưởng*  
*Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế)*

**1. Giải thích từ ngữ**

a) *Thông tư 43*: Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
		A	B	C	D
(1)	(2)	(3)			
1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp				
2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở				
3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)				
4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương				

b) *Thông tư 50*: Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT							
		LOẠI PHẪU THUẬT				LOẠI THỦ THUẬT			
		ĐB	I	II	III	ĐB	I	II	III
	<b>A. PHẪU THUẬT THẦN KINH – SỌ NÃO</b>								
	<b>I. PHẪU THUẬT CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO</b>								
1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	x							
2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở			x					
3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)			x					
4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương			x					

c) *Thông tư 37*: Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

STT	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Giá áp dụng từ 01/3/2016	Giá áp dụng từ 01/7/2016	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>PL1</b>		<b>DỊCH VỤ KỸ THUẬT</b>			
<b>A</b>		<b>CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH</b>			
<b>I</b>		<b>Siêu âm</b>			
1	37.2A01.0001	Siêu âm	30.000	49.000	
2	37.2A01.0002	Siêu âm + đo trực nhãn cầu	51.500	70.600	
3	37.2A01.0003	Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng	157.000	176.000	
4	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler màu tim/mạch máu	171.000	211.000	
5	37.2A01.0005	Siêu âm Doppler màu tim + cản âm	207.000	246.000	
6	37.2A01.0006	Siêu âm tim gắng sức	537.000	576.000	
7	37.2A01.0007	Siêu âm Doppler màu tim 4 D (3D REAL TIME)	407.000	446.000	
8	37.2A01.0008	Siêu âm Doppler màu tim/mạch máu qua thực quản	755.000	794.000	
9	37.2A01.0009	Siêu âm trong lòng mạch hoặc Đo dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR	1.875.000	1.970.000	Chưa bao gồm bộ đầu dò siêu âm, bộ dụng cụ đo dự trữ lưu lượng động mạch vành và các dụng cụ để đưa vào lòng mạch.

- Giá áp dụng từ 01/3/2016 bao gồm chi phí trực tiếp và phụ cấp đặc thù.

- Giá áp dụng từ 01/7/2016 bao gồm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù và tiền lương.

## 2. Căn cứ pháp lý xây dựng danh mục tương đương

a) Thông tư Liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC: Căn cứ Khoản 1, Điều 4. *Áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp* quy định:

"1. Các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chưa được quy định mức giá cụ thể tại Thông tư liên tịch này: áp dụng theo mức giá của các dịch vụ được Bộ Y tế xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện."

b) Thông tư 43/2013/TT-BYT: Khoản 2, Điều 2: "Danh mục kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này là kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện tại Việt Nam".

Do vậy tên dịch vụ kỹ thuật sử dụng để chỉ định dịch vụ và in trong phiếu thanh toán sẽ thống nhất sử dụng tên được quy định tại Thông tư số 43 và 50.

c) Thông tư 50/2014/TT-BYT: Điều 4. *Áp dụng Danh mục phân loại phẫu thuật, thủ thuật*: "Danh mục phân loại phẫu thuật, thủ thuật là căn cứ để cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chi trả chế độ phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật và các kỹ thuật tương đương phẫu thuật, thủ thuật theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch". Do vậy thống nhất sử dụng phân loại phẫu thuật thủ thuật theo Thông tư 50, mặc dù trong Thông tư 37 cũng có một số tên cụ thể là phẫu thuật hay thủ thuật.

### 3. Mối quan hệ giữa dịch vụ kỹ thuật của Thông tư 43 và 50 với Thông tư 37

Cả 3 Thông tư đều quy định danh mục dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh. Tuy nhiên mục đích ban hành danh mục khác nhau, do vậy danh pháp sử dụng có khác nhau. Thông tư 43 và 50 phục vụ công tác chuyên môn và liên quan đến chỉ định trong Hồ sơ bệnh án nên danh pháp rất chi tiết, chủ yếu liên quan đến chuyên môn: quy trình kỹ thuật, phương pháp thực hiện, vị trí, độ khó- tính chất phức tạp của kỹ thuật ... Thông tư số 37 phục vụ chi trả dịch vụ nên danh pháp liên quan chủ yếu liên quan đến chi phí: quy trình kỹ thuật, phương pháp thực hiện liên quan đến chi phí, số lượng cơ quan, chủng loại vật tư ... Quan hệ thông tin giữa hai bảng danh mục này là quan hệ 1 nhiều:

a) Nhiều dịch vụ kỹ thuật ở Thông tư 43 và 50 được xếp tương đương với 1 dịch vụ kỹ thuật trong Thông tư 37, mỗi cặp dịch vụ sẽ tạo nên một tên dịch vụ kỹ thuật chi tiết. Ví dụ một số kỹ thuật siêu âm dưới đây được xếp tương đương với kỹ thuật 0001. Siêu âm trong Thông tư 37:

Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 43 và 50	Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 37
<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1.92 - Siêu âm màng phổi cấp cứu</li> <li>• 2.63 - Siêu âm màng phổi cấp cứu</li> <li>• 2.314 - Siêu âm ổ bụng</li> <li>• 2.373 - Siêu âm khớp (một vị trí)</li> <li>• 2.374 - Siêu âm phần mềm (một vị trí)</li> <li>• 18.1 - Siêu âm tuyến giáp</li> <li>• 18.2 - Siêu âm các tuyến nước bọt</li> <li>• 18.3 - Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt</li> <li>• 18.4 - Siêu âm hạch vùng cổ</li> <li>• 18.6 - Siêu âm hốc mắt</li> <li>• 18.7 - Siêu âm qua thóp</li> <li>• 18.8 - Siêu âm nhân cầu</li> <li>• 18.11 - Siêu âm màng phổi</li> <li>• 18.12 - Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)</li> <li>• 18.13 - Siêu âm các khối u phổi ngoại vi</li> <li>• 18.15 - Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)</li> <li>• 18.16 - Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0001- Siêu âm (30.000 đ)</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>• 18.18 - Siêu âm tử cung phần phụ</li> <li>• 18.19 - Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)</li> <li>• 18.20 - Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)</li> <li>• 18.30 - Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng</li> <li>• 18.34 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu</li> <li>• 18.35 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa</li> <li>• 18.36 - Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối</li> <li>• 18.43 - Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay ...)</li> <li>• 18.44 - Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ ...)</li> <li>• 18.54 - Siêu âm tuyến vú hai bên</li> <li>• 18.59 - Siêu âm dương vật</li> <li>• 18.703 - Siêu âm tại giường</li> </ul>	
--	--

b) Một dịch vụ kỹ thuật ở Thông tư 43 và 50 được xếp tương đương với nhiều dịch vụ kỹ thuật trong Thông tư 37, mỗi cặp dịch vụ sẽ tạo nên một tên dịch vụ kỹ thuật chi tiết:

Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 43 và 50	Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 37
14.166 - Lấy dị vật giác mạc sâu	0780 - Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê) (270.000 đ) 0777 - Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây mê) (555.000 đ) 0778 - Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê) (52.000 đ)

c) Một dịch vụ kỹ thuật ở Thông tư 43 và 50 được xếp tương đương với 1 vụ kỹ thuật trong Thông tư 37, có thể trùng tên hoặc không trùng tên.

Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 43 và 50	Mã và tên dịch vụ kỹ thuật tại Thông tư 37
10.3 - Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	0386 - Phẫu thuật vết thương sọ não hở (4.363.000 đ)

d) Có một số kỹ thuật có tên và giá trong Thông tư 37 nhưng không có tên trong Thông tư 43 và 50.

e) Có một số kỹ thuật đang thực hiện, được BHYT chi trả có tên trong Thông tư 43 và 50 nhưng không có tên trong Thông tư 37

- 27.187 - Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa
- 15.149 - Phẫu thuật cắt Amidan gây mê

#### 4. Cấu trúc Bảng danh mục tương đương

Bảng danh mục tương đương gồm có 7 cột thông tin, cấu trúc như sau:

STT	Mã tương đương	Mã TT50	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 43 và 50	Loại PT-TT	Mã TT37	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 37
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	10.0002.0386	10.2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	P2	37.8D05.0386	Phẫu thuật vết thương sọ não hở

2	10.0003.0386	10.3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	P2	37.8D05.0386	Phẫu thuật vết thương sọ não hở
3	10.0004.0386	10.4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	P2	37.8D05.0386	Phẫu thuật vết thương sọ não hở
4	10.0005.0370	10.5	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	P1	37.8D05.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ/ ngoài màng cứng/ dưới màng cứng/ trong não
5	10.0006.0370	10.6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hở sau)	P1	37.8D05.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ/ ngoài màng cứng/ dưới màng cứng/ trong não
6	10.0007.0370	10.7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	PD	37.8D05.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ/ ngoài màng cứng/ dưới màng cứng/ trong não
7	10.0008.0370	10.8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	PD	37.8D05.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ/ ngoài màng cứng/ dưới màng cứng/ trong não
8	10.0009.0370	10.9	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	P2	37.8D05.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong sọ/ ngoài màng cứng/ dưới màng cứng/ trong não

a) Cột (1): Số thứ tự của danh mục kỹ thuật tương đương theo từng quyết định ban hành của Bộ Y tế, theo từng chuyên khoa. Số thứ tự này không có ý nghĩa về mã hoá dịch vụ, vì danh mục tương đương được bổ sung và sửa đổi nhiều lần. Do vậy không sử dụng số thứ tự này làm mã tham chiếu danh mục.

b) Cột (2): Mã danh mục tương đương: Bản chất là mã dịch vụ, là mã duy nhất cho các dịch vụ kỹ thuật tương đương, do vậy sử dụng làm mã tham chiếu danh mục để xác định chính xác dịch vụ được chỉ định và giá thanh toán BHYT, để kết nối với danh mục nội bộ trong phần mềm quản lý của bệnh viện, in kèm tên dịch vụ kỹ thuật trong phiếu thanh toán BHYT, kết xuất dữ liệu về cơ quan BHXH phục vụ giám định BHYT. Cấu trúc của mã tương đương có độ dài cố định gồm 10 ký tự: ##.####.####

1 0 . 0 0 0 3 . 0 3 8 6

- 2 ký tự đầu tiên là số thứ tự hay mã chuyên khoa theo Thông tư 43 và Thông tư 50. Ví dụ: "10" là Ngoại khoa (\* Hai chuyên khoa Hoá sinh, Vi sinh không có trong Thông tư 50)

STT	Chuyên khoa	STT	Chuyên khoa
01	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	15	Tai mũi họng
02	Nội khoa	16	Răng hàm mặt
03	Nhi khoa	17	Phục hồi chức năng
04	Lao (ngoại lao)	18	Điện quang
05	Da liễu	19	Y học hạt nhân
06	Tâm thần	20	Nội soi chẩn đoán, can thiệp
07	Nội tiết	21	Thăm dò chức năng
08	Y học cổ truyền	22	Huyết học - truyền máu
09	Gây mê hồi sức	23	Hoá sinh*
10	Ngoại khoa	24	Vi sinh*
11	Bông	25	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học
12	Ung bướu	26	Vi phẫu
13	Phụ sản	27	Phẫu thuật nội soi
14	Mắt	28	Tạo hình- Thẩm mỹ

- 4 ký tự tiếp theo ở giữa 2 dấu "." là số thứ tự dịch vụ kỹ thuật trong chuyên khoa tại Thông tư 43,50". Ví dụ "003" là *Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não*

- 4 ký tự cuối cùng là số thứ tự dịch vụ kỹ thuật tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 37 (Bản Excel có gắn mã BHYT, bản này có sắp xếp lại so với bản gốc, một số kỹ thuật chưa được gắn mã hoặc mã trùng lặp được chuyển xuống phía cuối phần kỹ thuật)

c) Cột (3): Mã theo Thông tư 43, Thông tư 50, mã có độ dài không cố định, gồm 2 phần: Số chương (hay mã số Chuyên khoa) và Số thứ tự của dịch vụ kỹ thuật trong chương đó.

d) Cột (4): Phân loại Phẫu thuật Thủ thuật theo Thông tư 50, ký hiệu các giá trị như sau:

Ký hiệu	Phân loại Phẫu thuật
PD	Phẫu thuật đặc biệt
P1	Phẫu thuật loại 1
P2	Phẫu thuật loại 2
P3	Phẫu thuật loại 3

Ký hiệu	Phân loại Thủ thuật
TD	Thủ thuật đặc biệt
T1	Thủ thuật loại 1
T2	Thủ thuật loại 2
T3	Thủ thuật loại 3

e) 4 ký tự tiếp theo ở giữa 2 dấu "." là số thứ tự dịch vụ kỹ thuật trong chuyên khoa tại Thông tư 43,50". Ví dụ "003" là *Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não*

f) Cột (6): Mã theo Thông tư 37, chủ yếu phục vụ công tác giám định của BHXH.

3 7 . 8 D 0 5 . 0 3 8 6

Cấu trúc mã danh mục Thông tư 37 như sau:

2	A	I	2A01	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH	Siêu âm
		II	2A02	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH	Chụp X-quang thường
III		2A03	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH	Chụp Xquang số hóa	
IV		2A04	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH	Chụp cắt lớp vi tính, chụp mạch, cộng hưởng từ	
V		2A05	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH	Một số kỹ thuật khác	
8	B		8B00	CÁC THỦ THUẬT VÀ DỊCH VỤ NỘI SOI	CÁC THỦ THUẬT VÀ DỊCH VỤ NỘI SOI
	C		8C00	Y HỌC DÂN TỘC - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Y HỌC DÂN TỘC - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	D	I	8D01	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		II	8D02	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	NỘI KHOA
		III	8D03	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	DA LIỄU
		IV	8D04	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	NỘI TIẾT Các thủ thuật còn lại khác
		V	8D05	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	NGOẠI KHOA
		VI	8D06	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	PHỤ SẢN
		VII	8D07	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	MẮT Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		VIII	8D08	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	TAI MŨI HỌNG Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		IX	8D09	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	RĂNG - HÀM - MẶT Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		X	8D10	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	BÔNG Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		XI	8D11	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	UNG BƯỚU Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác
		XII	8D12	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP
		XIII	8D13	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	VI PHẪU
XIV		8D14	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	PHẪU THUẬT NỘI SOI Các phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác	
	8D15	PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA	GÂY MÊ Gây mê thay băng bông		
1	E	I	1E01	XÉT NGHIỆM	Huyết học
		II	1E02	XÉT NGHIỆM	Dị ứng miễn dịch
		III	1E03	XÉT NGHIỆM	Hóa sinh Dịch chọc dò

		<b>IV</b>	1E04	XÉT NGHIỆM	Vi sinh
		<b>V</b>	1E05	XÉT NGHIỆM	XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH LÝ: Các thủ thuật còn lại khác
		<b>VI</b>	1E06	XÉT NGHIỆM	XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT
	<b>F</b>		3F00	THĂM DÒ CHỨC NĂNG	THĂM DÒ CHỨC NĂNG
<b>3</b>	<b>G</b>	<b>I</b>	3G01	CÁC THĂM DÒ VÀ ĐIỀU TRỊ BẰNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ	THĂM DÒ BẰNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
		<b>II</b>	3G02	CÁC THĂM DÒ VÀ ĐIỀU TRỊ BẰNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ	ĐIỀU TRỊ BẰNG ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ Các thủ thuật còn lại khác
<b>14</b>	<b>H</b>		14H#	CÔNG KHÁM	KHÁM BỆNH
<b>16</b>			16H#	TIỀN GIƯỜNG	GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ
<b>15</b>			15H#	TIỀN GIƯỜNG	GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

+ 2 ký tự đầu tiên: Tên thông tư liên tịch số 37.

+ 4 ký tự tiếp theo: Mã Nhóm thanh toán, và mã chuyên khoa gần giống với mã chuyên khoa trong Thông tư 43 và 50. Các ký tự số đầu tiên trong mã nhóm thể hiện danh mục nhóm theo chi phí của BHXH Việt Nam ban hành kèm theo Công văn số 9324/BYT-BH ngày 30/11/2015. Trong ví dụ trên: ký tự số 8 cho thấy kỹ thuật thuộc nhóm Phẫu thuật - thủ thuật.

<b>TT</b>	<b>Tên nhóm</b>
1	Xét nghiệm
2	Chẩn đoán hình ảnh
3	Thăm dò chức năng
4	Thuốc trong danh mục BHYT
5	Thuốc điều trị ung thư, chống thải ghép ngoài danh mục
6	Thuốc thanh toán theo tỷ lệ
7	Máu và chế phẩm máu
8	Thủ thuật, phẫu thuật
9	DVKT thanh toán theo tỷ lệ
10	Vật tư y tế trong danh mục BHYT
11	VTYT thanh toán theo tỷ lệ
12	Vận chuyển
13	Khám bệnh
14	Giường điều trị ngoại trú
15	Giường điều trị nội trú

Ký tự D có nghĩa là thuộc chương D trong Thông tư 37 "Phẫu thuật thủ thuật theo chuyên khoa", số 08 chỉ chuyên khoa "Tai Mũi Họng",

+ 4 ký tự cuối cùng là số thứ tự của kỹ thuật trong Thông tư 37. Trong ví dụ trên 0386 là kỹ thuật nằm ở số thứ tự 386, có tên "Phẫu thuật vết thương sọ não hở"



g) Cột (7): Tên dịch vụ theo Thông tư liên tịch số 37.

h) Một số thông tin liên quan khác như "Giá áp dụng từ 01/3/2016", "Giá áp dụng từ 01/7/2016", "Phân tuyến kỹ thuật theo Thông tư 43", "Mã danh mục dùng chung theo Quyết định 5084", ""Mã theo Thông tư liên tịch số 03 và 04" đã được tích hợp đầy đủ theo bảng danh mục tương đương trên phần mềm Kiểm tra bệnh viện.

## 5. Khai báo danh mục kỹ thuật và tải về danh mục tương đương

Bản danh mục tương đương được ban hành kèm theo các quyết định của Bộ Y tế, đăng tải trong mục văn bản của trang điện tử Cục Quản lý khám chữa bệnh **kcb.vn**, hoặc trong bộ danh mục dùng chung của Bộ Y tế.

Bảng danh mục đầy đủ có liên kết với các trường thông tin liên quan: "Giá áp dụng từ 01/3/2016", "Giá áp dụng từ 01/7/2016", "Phân tuyến kỹ thuật", "Mã theo danh mục dùng chung 5084", ""Mã theo Thông tư 03 và 04" đã được tích hợp đầy đủ theo bảng danh mục tương đương trên phần mềm Kiểm tra bệnh viện. Tài khoản đã được cung cấp cho Phòng Nghiệp vụ Y các Sở Y tế, Phòng Kế hoạch Tổng hợp các bệnh viện. Quy trình khai báo và tải về danh mục như sau:

Bước 1. Sử dụng Trình duyệt Google Chrome đăng nhập hệ thống phần mềm Kiểm tra bệnh viện qua địa chỉ [qlbv.vn/ktbv](http://qlbv.vn/ktbv) . Chọn Tab "VIII.Phạm vi hoạt động". Màn hình sẽ hiện ra như dưới đây.

The screenshot displays the 'VIII. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN / DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT' interface. At the top, there are navigation tabs for 'VIII. Phạm vi hoạt động' (circled in red), 'IX. Chất lượng I', and 'IX. Chất lượng II'. Below the tabs, there are search filters and a 'Tìm kiếm' button. The main content area shows a list of medical specialties on the left, with 'HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC' selected. The right side features a table of approved technical services with columns for 'STT', 'Mã số', 'Tên kỹ thuật', and selection checkboxes for 'Tuyển TW', 'Tuyển tỉnh', 'Tuyển QH', and 'Tuyển PX'. The table lists 17 items, including 'A. TUẦN HOÀN' and '1.1 Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ'. Red circles highlight the search results list and the table columns for 'Tuyển TW', 'Tuyển tỉnh', 'Tuyển QH', and 'Tuyển PX'.

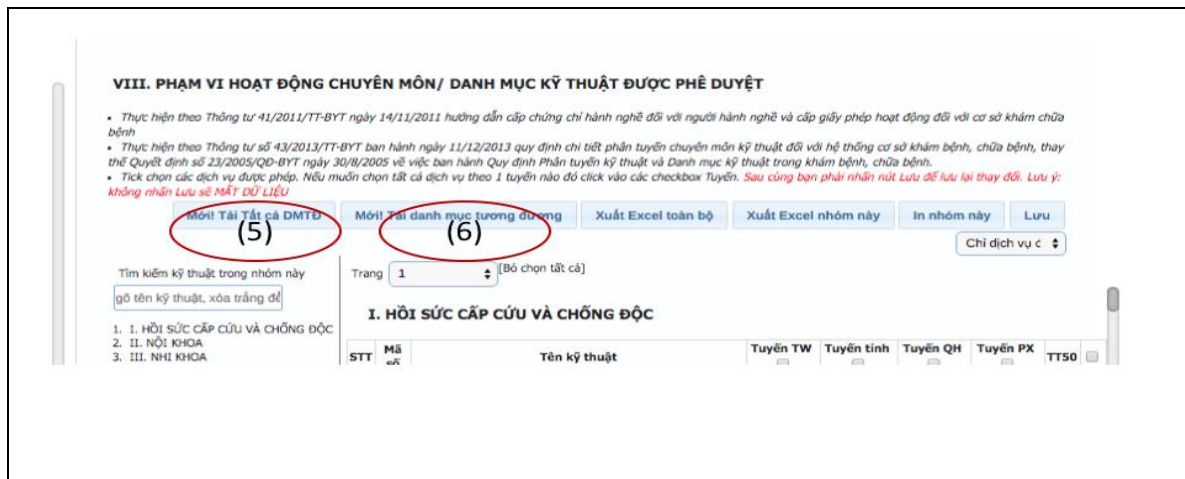
Bước 2. Khai báo danh mục dịch vụ kỹ thuật đã được phê duyệt của bệnh viện.

- (1) Tab "VIII.Phạm vi hoạt động" chứa danh mục dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện đã được phê duyệt theo Thông tư 43 và 50.

- (2) Chọn Danh mục 28 Chuyên khoa của Thông tư 43 và 50
- (3) Đối chiếu các dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện theo từng Chuyên khoa theo Thông tư 43 và 50 được chọn. Chú ý mỗi trang chỉ chứa được 500 dịch vụ, kỹ thuật, trước khi chuyển trang nhớ lưu các kết quả đã đánh dấu.
- (4) Đánh dấu các dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện đã được phê duyệt theo Thông tư 43 và 50. Chú ý mỗi trang chỉ chứa được 500 dịch vụ, kỹ thuật, trước khi chuyển trang nhớ lưu các kết quả đã đánh dấu.

Bước 3. Tải về danh mục dịch vụ kỹ thuật tương đương của bệnh viện.

Sau khi hoàn tất việc khai báo danh mục kỹ thuật của bệnh viện đã được phê duyệt, chuyển sang bước tải về danh mục tương đương của bệnh viện. Đây chính là danh mục dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh được Bảo hiểm Y tế chi trả. Không phải tất cả danh mục kỹ thuật theo Thông tư 43 và 50 thực hiện tại bệnh viện đều được xếp tương đương.



Có 2 tính năng tải danh mục:

- (5) Tải tất cả danh mục kỹ thuật của bệnh viện, bao gồm cả danh mục kỹ thuật được xếp tương đương và không được xếp tương đương.

>>

BẢNG DANH MỤC MÃ TƯƠNG ĐƯƠNG TT43, TT50, TT37, QĐ5084

Đơn vị: BỆNH VIỆN ĐK MŨI CANG CHẢI

STT	Mã tương đương (QĐ5084)	Mã định chung	Chương 43	Mã dịch vụ 43	Tên dịch vụ 43	Tuyển	Loại	Mã dịch vụ TT50/37 tương ứng	Tên dịch vụ 37 tương ứng	Giá tháng 3	Giá tháng 7	Ghi chú TT37	Mã theo TT 03,04	Số QĐ	Ngày ký
881		50.10.0410X	NGOÀI KHOA	10.410	Cắt bỏ bao da quai đầu do dính bóc dài	C	P3								
882		50.10.0411X	NGOÀI KHOA	10.411	Cắt hẹp bao quy đầu	D	P3								
883		50.10.0412X	NGOÀI KHOA	10.412	Mổ nâng lỗ sáo	D	P3								
884		50.10.0453X	NGOÀI KHOA	10.453	Nội vi răng	C	P3								
885		50.10.0454X	NGOÀI KHOA	10.454	Cắt da dày hình chêm	C	P2								
886		50.10.0464X	NGOÀI KHOA	10.464	Phẫu thuật Newmann	C	P2								
887	02.0063.0001	50.02.0063	II. NỘI KHOA	2.63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
888	02.0314.0001	50.02.0314	II. NỘI KHOA	2.314	Siêu âm ổ bụng	D		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
889	18.0015.0001	50.18.0015	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
890	18.0016.0001	50.18.0016	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, hệ tiết niệu)	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
891	18.0018.0001	50.18.0018	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.18	Siêu âm tử cung phần phụ	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
892	18.0020.0001	50.18.0020	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
893	18.0034.0001	50.18.0034	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
894	18.0035.0001	50.18.0035	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
895	18.0036.0001	50.18.0036	XVIII. ĐIỆN QUANG	18.36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	C		37.2A01.0001	Siêu âm	30000	49000		04C1.1.3	984-QĐ-2016-BYT	03-23
896	01.0019.0004	50.01.0019	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	1.19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	C	T1	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler máu tim/mạch máu	171000	211000		03C4.1.1	984-QĐ-2016-BYT	03-23
897	03.0041.0004	50.03.0041	III. NỘI KHOA	3.41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	C	T1	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler máu tim/mạch máu	171000	211000		03C4.1.1		
898	03.0043.0004	50.03.0043	III. NỘI KHOA	3.43	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu	C	T1	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler máu tim/mạch máu	171000	211000		03C4.1.1		
899	02.0112.0004	50.02.0112	II. NỘI KHOA	2.112	Siêu âm Doppler mạch máu	C	T3	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler máu tim/mạch máu	171000	211000		03C4.1.1	984-QĐ-2016-BYT	03-23
900	02.0113.0004	50.02.0113	II. NỘI KHOA	2.113	Siêu âm Doppler tim	C	T3	37.2A01.0004	Siêu âm Doppler máu tim/mạch máu	171000	211000		03C4.1.1	984-QĐ-2016-BYT	03-23

- (6) Chỉ tải danh mục các kỹ thuật của bệnh viện nằm trong danh mục tương đương của Bộ Y tế. Sau khi nhấn nút, kết quả được hiển thị trên màn hình. Nhấn vào biểu tượng Excel ở góc phải màn hình để tải về Excel. Thời gian tải có thể kéo dài tùy thuộc số lượng dịch vụ kỹ thuật của bệnh viện.

- Số lượng mã dịch vụ kỹ thuật tương đương có thể nhiều hơn số kỹ thuật được tương đương lý do đã giải thích ở trên: một kỹ thuật ở Thông tư 43 và 50 có thể tương đương với nhiều kỹ thuật tại Thông tư 37.

- Hai cột ngoài cùng bên phải là số Quyết định ban hành và ngày ban hành. Những kỹ thuật tương đương chưa có số Quyết định và Ngày ban hành là những kỹ thuật đang dự thảo chờ thẩm định, phê duyệt.

## **6. Những dịch vụ kỹ thuật không được xếp tương đương**

### *a) Không thuộc phạm vi được hưởng BHYT*

Tên dịch vụ kỹ thuật thể hiện thuộc một trong *Các trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế* quy định tại Điều 23 Luật BHYT sửa đổi, bao gồm:

1. Chi phí trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 đã được ngân sách nhà nước chi trả.
2. Điều dưỡng, an dưỡng tại cơ sở điều dưỡng, an dưỡng.
3. Khám sức khỏe.
4. Xét nghiệm, chẩn đoán thai không nhằm mục đích điều trị.
5. Sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nạo hút thai, phá thai, trừ trường hợp phải đình chỉ thai nghén do nguyên nhân bệnh lý của thai nhi hay của sản phụ.
6. Sử dụng dịch vụ thẩm mỹ.
7. Điều trị lác, cận thị và tật khúc xạ của mắt, trừ trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi.
8. Sử dụng vật tư y tế thay thế bao gồm chân tay giả, mắt giả, răng giả, kính mắt, máy trợ thính, phương tiện trợ giúp vận động trong khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng.
9. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng trong trường hợp thảm họa.
10. Khám bệnh, chữa bệnh nghiện ma túy, nghiện rượu hoặc chất gây nghiện khác.
11. Giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.
12. Tham gia thử nghiệm lâm sàng, nghiên cứu khoa học.

*b) Đã kết cấu chi phí vào công khám, ngày giường, hoặc kết cấu trong dịch vụ kỹ thuật khác đã được thanh toán (vd: đã số các dịch vụ kỹ thuật gây mê hồi sức)*

*c) Có tên trong Thông tư 43 và 50 nhưng không có kỹ thuật có quy trình kỹ thuật tương đương tại Thông tư 37.*

*d) Các dịch vụ kỹ thuật mới đề xuất nhưng chưa có quy trình kỹ thuật được phê duyệt.*

## **7. Sử dụng mã tương đương làm mã dịch vụ**

a) Mã tương đương được sử dụng như mã dịch vụ trong trường hợp sau:

- Liên kết giữa danh mục dịch vụ kỹ thuật tương đương với danh mục kỹ thuật của bệnh viện

- Sử dụng để chỉ định dịch vụ, kèm tên theo Thông tư 43 và 50
- Sử dụng để thanh toán chi phí BHYT: in trên phiếu thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT ngoại trú, nội trú (BV-01, BV-02, 03). Có thể in thành cột riêng hoặc trước tên của dịch vụ kỹ thuật và phân cách bởi dấu " - ". Trên phần mềm của bệnh viện có thể bố trí mã sau,
- Kết xuất dữ liệu về cho Bộ Y tế và BHXH Việt Nam phục vụ công tác giám định chi phí BHYT.

b) Gán mã cho trường hợp không có tên trong danh mục tương đương, và Thông tư 37

Những trường hợp dịch vụ kỹ thuật đang thực hiện tại bệnh viện, được BHYT thanh toán, có tên trong Thông tư 43 và 50 nhưng không có tên trong Thông tư 37, sử dụng cấu trúc mã tương đương làm mã dịch vụ nhưng 4 ký tự cuối cùng (số thứ tự trong Thông tư 37) là ".0000", ví dụ: 27.0187.0000 - *Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa*

c) Gán mã cho các trường hợp **có tên trong Thông tư 37**, không có tên trong Thông tư 43 và 50

Những trường hợp dịch vụ kỹ có tên trong Thông tư 37, nhưng không có tên trong Thông tư 43 và 50, sử dụng cấu trúc mã tương đương làm mã dịch vụ nhưng 6 ký tự đầu tiên (số thứ tự trong Thông tư 43 và 50) là "00.0000", ví dụ: 00.0000.0480 - *Phẫu thuật cắt cơ Oddi và nong đường mật qua ERCP*

d) Những trường hợp không có tên trong Thông tư 43 và 50, cũng **không có tên trong Thông tư 37**

Về bản chất, những trường hợp này chưa nằm trong danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh quốc gia, nên cần phải được bổ sung vào danh mục quốc gia trước.

Mẫu đề xuất danh mục kỹ thuật mới như sau:

Tên dịch vụ		Mô tả tóm tắt quy trình kỹ thuật	Chuyên khoa theo TT43 và 50	Chuyên khoa phụ theo TT43 và 50	Phân tuyến kỹ thuật	Phân loại Phẫu thuật Thủ thuật

## 8. Liên kết với danh mục kỹ thuật (trong phần mềm quản lý) của bệnh viện

Trường hợp lý tưởng bệnh viện chuẩn hoá hoàn toàn danh mục kỹ thuật của bệnh viện về theo Thông tư 43 và 50 và áp dụng luôn danh mục tương đương, tuy nhiên thực tế tại các bệnh viện, danh mục kỹ thuật có thể chi tiết hơn, tùy theo mục đích sử dụng. Ví dụ thêm

hậu tố vị trí, vật tư, tư thế, phương pháp.v.v. Thống nhất những phần bổ sung để rõ nghĩa hoặc tên gọi khác chưa có trong Thông tư 43 và 50 sẽ để trong dấu ngoặc vuông [ ... ]

Sử dụng Mã tương đương của danh mục tương đương làm mã liên kết với Mã nội bộ trong danh mục kỹ thuật của bệnh viện, và quan hệ này cũng sẽ là quan hệ 1 nhiều.

DANH MỤC NỘI BỘ		DANH MỤC KỸ THUẬT TƯƠNG ĐƯƠNG	
Danh mục kỹ thuật của bệnh viện	Thuộc tính	Danh mục kỹ thuật tương đương của Bộ Y tế	Thuộc tính
Mã dịch vụ nội bộ		Mã tương đương (mã dịch vụ)	
Tên dịch vụ kỹ thuật nội bộ		Mã danh mục dùng chung	
Giá cho NB không có thẻ BHYT		Tên dịch vụ theo Thông tư 43 và 50	
		Mã theo Thông tư 37	
		Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 37	
		Giá 01/03/2016	
		Giá 01/07/2016	
		Ghi chú theo TT37	
		Phân loại PTTT	
		Phân tuyến kỹ thuật	
		Mã theo Thông tư 03 và 04	

## 9. Những câu hỏi thường gặp về danh mục tương đương

Đã có rất nhiều câu hỏi của các bệnh viện trong quá trình triển khai Danh mục kỹ thuật tương đương trên trang kcb.vn và fanpage

(1) Thời hạn thanh toán BHYT đối với các kỹ thuật trong danh mục tương đương

- Những kỹ thuật có tên trong TT37 sẽ được áp dụng ngay từ 01/3/2016 cho dù có tên trong Quyết định danh mục tương đương hay không.
- Những Kỹ thuật có tên trong các Quyết định danh mục tương đương sẽ thực hiện từ ngày ký ban hành theo từng Quyết định.
- Các kỹ thuật chưa có tên trong danh mục tương đương và TT37 thực hiện theo giá cũ của đơn vị được cấp thẩm quyền phê duyệt, đang thực hiện tại đơn vị.

(2) Có được áp dụng các kỹ thuật tương đương của chuyên khoa Nhi cho các chuyên khoa khác của người lớn không?

- Danh mục tương đương được áp dụng theo danh mục kỹ thuật của bệnh viện được phê duyệt theo Thông tư 43 và 50. Do vậy không áp dụng tương đương của Nhi khoa cho các chuyên khoa của người lớn.

### Lời cảm ơn

Cục Quản lý khám chữa bệnh - Bộ Y tế trân trọng cảm ơn các thành viên Hội đồng danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh quốc gia và các Sở Y tế, các cơ sở khám chữa bệnh toàn quốc; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã đóng góp hoàn thiện danh mục dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh tương đương.

Hướng dẫn được đăng tải trên trang website của Cục Quản lý khám chữa bệnh [kcb.vn](http://kcb.vn) trong mục Thông tin, kèm theo là diễn đàn trao đổi hỏi đáp phía cuối mỗi bài đăng.

Ý kiến đóng góp về Danh mục dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh tương đương đề nghị gửi về Cục Quản lý Khám chữa bệnh qua email [qlbv.vn@gmail.com](mailto:qlbv.vn@gmail.com)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các đơn vị./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu VT, QLCL.

**CỤC TRƯỞNG**

***(dự thảo)***

**Lương Ngọc Khuê**